ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

# QUY TRÌNH XÉT ĐẠT CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA CHO SINH VIÊN

Số hiệu: **QT.ĐT.02**
Lần ban hành: 02
Ngày ban hành: 05/10/2026
Tổng số trang: 05

## KIỂM SOÁT SỰ THAY ĐỔI

| STT | NỘI DUNG | Ngày cập nhật |
|---|---|---|
| 1 | Ban hành lần đầu theo ISO 21001:2018 | 04/3/2025 |
| 2 | Thay đổi số hiệu quy trình QT.ĐT.17 thành QT.ĐT.02 | 05/10/2026 |
| | | |

| Người soạn thảo | Chữ ký |
|---|---|
| 1. Phạm Thị Thuận | |
| 2. Tiêu Thảo Trang | |
| | |

| Xem xét | Phê duyệt |
|---|---|
| **Trần Thái Sơn**<br>(Trưởng phòng) | **Trần Lê Quan**<br>(Hiệu trưởng) |

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này nhằm hướng dẫn sinh viên và cán bộ Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM thực hiện công tác xét đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra cho sinh viên.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

### 2.1 Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng để kiểm soát công tác xét đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra cho sinh viên.

### 2.2 Trách nhiệm áp dụng:

Phòng Đào tạo và sinh viên.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 21001:2019 và Tiêu chuẩn quốc tế ISO 21001:2018.
- Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (QT.KHTN.01).
- Danh mục tài liệu bên ngoài (BM05.KHTN.01).

## 4. ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

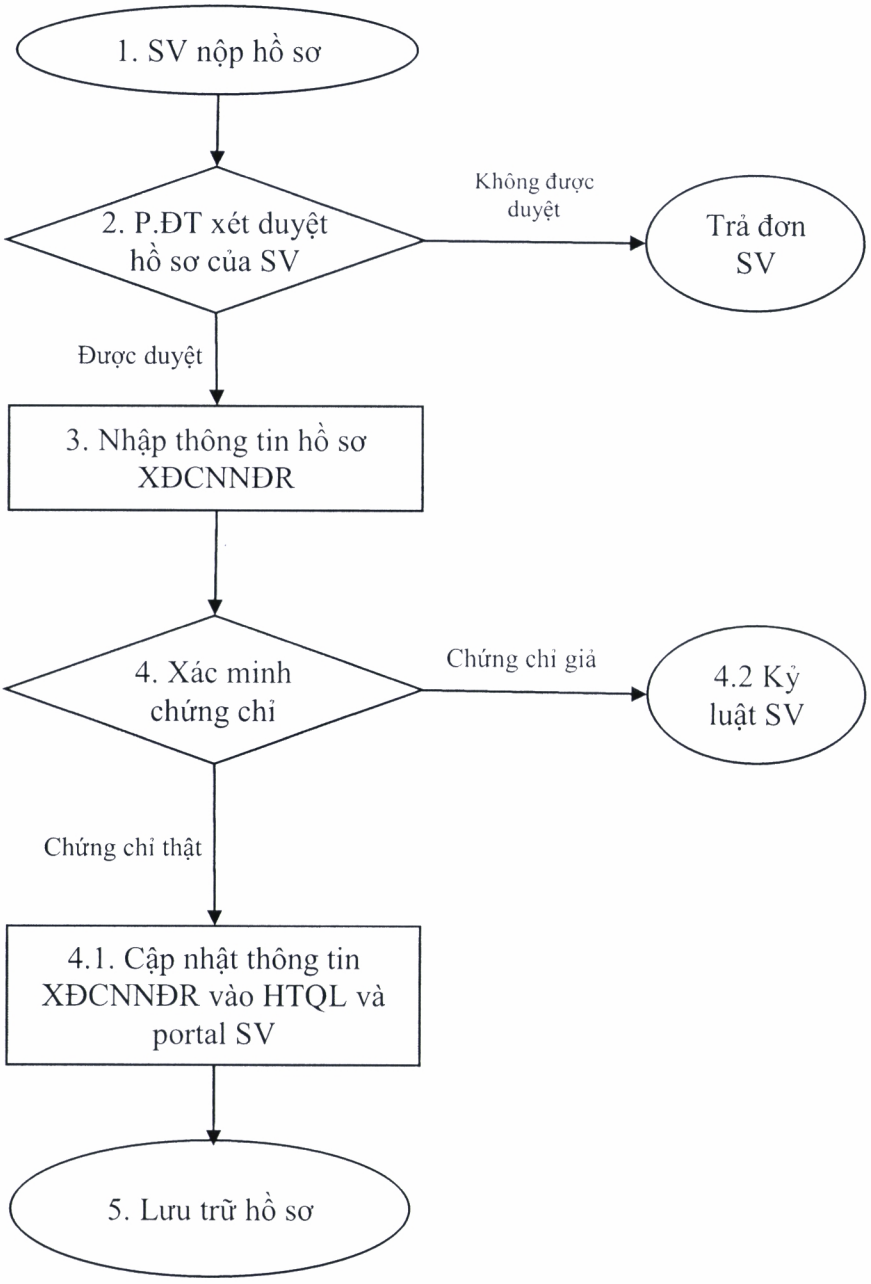
### 4.1 Định nghĩa: không có

### 4.2 Từ viết tắt

- Trường: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM
- P.ĐT: Phòng Đào tạo
- Khoa: Các khoa
- LĐP: Lãnh đạo phòng
- NĐPC: Người được phân công nhiệm vụ
- SV: Sinh viên
- CCCD: Căn cước công dân
- HTQL: Hệ thống quản lý của Phòng Đào tạo
- XĐCNNĐR: Xét đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra

## 5. NỘI DUNG

### 5.1 Lưu đồ



**5.2 Nội dung diễn giải**

| MÔ TẢ CÁC BƯỚC THỰC HIỆN | TRÁCH NHIỆM | THỜI GIAN | BIỂU MẪU |
|---|---|---|---|
| **1. SV nộp hồ sơ**<br>- SV có nhu cầu XĐCNNĐR điền thông tin vào form online, in đơn và nộp hồ sơ trực tiếp tại P.ĐT. | SV | - | BM01.ĐT.02 |
| **2. Xét duyệt hồ sơ:** NĐPC nhận hồ sơ của SV và xét duyệt hồ sơ. Hồ sơ XĐCNNĐR bao gồm:<br>a) Đơn XĐCNNĐR.<br>b) Bản photo có công chứng các chứng chỉ (hoặc bản photo chứng chỉ kèm bản chính đối chiếu).<br>c) Trường hợp sinh viên nhờ người nộp hộ phải có thêm giấy ủy quyền cho người nộp hộ hồ sơ có công chứng của cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi email ủy quyền đến P.ĐT bằng email SV kèm bản photo CCCD của người nộp hộ. | NĐPC | Ngay thời điểm SV nộp hồ sơ | |
| **3. Nhập thông tin hồ sơ XĐCNNĐR**<br>- NĐPC nhập thông tin hồ sơ XĐCNNĐR của sinh viên theo mẫu Danh sách sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ. | NĐPC | 01 tuần | BM02.ĐT.02 |
| **4. Xác minh chứng chỉ ngoại ngữ**<br>- *Đối với các chứng chỉ xác minh theo hình thức tra cứu:* NĐPC thực hiện tra cứu và kiểm tra thông tin họ tên, ngày sinh, nơi sinh, điểm của sinh viên trên hệ thống xem có khớp với hồ sơ hay không, nếu trùng khớp thì NĐPC in kết quả tra cứu trên website (có link tra cứu) và lưu chung với hồ sơ XĐCNNĐR của SV<br>- *Đối với các chứng chỉ xác minh theo hình thức gửi email:* NĐPC lập bảng theo mẫu có sẵn (do đơn vị trả lời xác minh yêu cầu) và gửi email tiến hành xác minh. Kết quả xác minh sẽ được hồi đáp qua email đồng thời gửi bản giấy về cho trường, NĐPC tiến hành lưu trữ bản giấy.<br>- *Đối với các chứng chỉ xác minh theo hình thức gửi công văn:* NĐPC photo lại bản sao chứng chỉ sinh viên nộp, sau đó sắp xếp theo đúng số thứ tự hồ sơ trên dữ liệu đã nhập và tiến hành lập bảng xác minh. Sau khi có kết quả, nếu trùng khớp NĐPC lưu trữ bản giấy kết quả xác minh. | NĐPC | 01 tháng | |
| **4.1. Cập nhật thông tin**<br>***Trường hợp chứng chỉ được xác minh là đúng với hồ sơ gốc của nơi cấp chứng chỉ***<br>- Cập nhật thông tin XĐCNNĐR vào HTQL và portal của SV<br>**4.2. Kỷ luật SV**<br>***Trường hợp chứng chỉ được xác minh là không đúng với hồ sơ gốc của nơi cấp chứng chỉ***<br>- Chuyển thông tin SV sử dụng chứng chỉ giả cho Hội đồng Khen thưởng và Kỷ luật sinh viên để kỷ luật SV | NĐPC, Hội đồng Khen thưởng và Kỷ luật sinh viên | 01 tuần | |
| **5. Lưu trữ hồ sơ**<br>- Hồ sơ được lưu trữ theo quy định. | NĐPC | | |

## 6. PHỤ LỤC VÀ BIỂU MẪU

| STT | Ký hiệu | Tên biểu mẫu |
|---|---|---|
| 1 | BM01.ĐT.02 | Đơn xin xét đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra |
| 2 | BM02.ĐT.02 | Danh sách sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ |